

Số: 04 /2020/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 22 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên
thể thao thành phố Hải Phòng đạt thành tích tại
các giải thể thao khu vực và quốc tế**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày
14/6/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ
quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong
thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể
dục, thể thao;*

*Thực hiện Quyết định số 2112/QĐ-BVHTTDL ngày 14/6/2019 của Bộ Văn
hóa, Thể thao và Du lịch công bố danh mục các môn, nội dung thi đấu thể thao
thuộc nhóm I, nhóm II và nhóm III;*

*Xét Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 02/7/2020 và Đề án số 05/ĐA-UBND
02/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy
định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành phố Hải
Phòng đạt thành tích tại các giải thể thao khu vực và quốc tế; Báo cáo thẩm tra
của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thưởng đối với các tập thể, cá nhân vận động viên, huấn luyện viên thể thao của thành phố Hải Phòng đạt thành tích tại các giải thể thao khu vực và quốc tế.

Danh mục các môn thể thao Nhóm I, Nhóm II, Nhóm III theo quy định tại Quyết định số 2112/QĐ-BVHTTDL ngày 14/6/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tập thể, cá nhân vận động viên thể thao của thành phố Hải Phòng đạt thành tích tại các giải thể thao khu vực và quốc tế, bao gồm:

Tập thể, cá nhân vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao khu vực và quốc tế theo quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 152/2018/NĐ-CP).

Tập thể, cá nhân vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao quy mô Đông Nam Á khác mà chưa được khen thưởng tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP.

Tập thể, cá nhân vận động viên là người khuyết tật đạt thành tích tại các giải thể thao khu vực và quốc tế theo quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP.

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo tập thể, cá nhân vận động viên thi đấu đạt thành tích tại đại hội, giải thể thao khu vực và quốc tế nêu trên.

Điều 2. Mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên

1. Đối với vận động viên thi đấu cá nhân

a) Vận động viên đạt thành tích tại các đại hội, giải thể thao theo quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP: được hưởng mức thưởng bằng 100% mức thưởng tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP (*chi tiết mức thưởng tại Phụ lục I*).

Vận động viên đạt thành tích tại các đại hội, giải thể thao quy mô Đông Nam Á khác mà chưa được khen thưởng theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP: được hưởng mức thưởng bằng 80% mức thưởng của Giải vô địch các môn thể thao quy mô Đông Nam Á nhóm III (*chi tiết mức thưởng tại Phụ lục I*).

b) Vận động viên lập thành tích tại các giải: Cúp thế giới, cúp châu Á và cúp Đông Nam Á, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thế giới, các đại hội, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ châu Á, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ Đông Nam Á không quy định lứa tuổi: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng của môn thể thao tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thế giới, châu Á, Đông Nam Á có quy định lứa tuổi, mức thưởng cụ thể như sau:

Giải thi đấu thể thao theo độ tuổi	Mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều này
Dưới 12 tuổi	20%
Từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi	30%
Từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	40%
Từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi	50%

d) Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao dành cho học sinh, sinh viên thế giới, châu Á, Đông Nam Á: Mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

2. Đối với vận động viên thi đấu tập thể

a) Tập thể vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với các môn, nội dung thi mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích cá nhân: Mức thưởng bằng mức thưởng của vận động viên theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong thi đấu tập thể: Mức thưởng cho tập thể huấn luyện viên trực tiếp đào tạo được xác định bằng mức thưởng quy định tại khoản 3 Điều này nhân với số lượng huấn luyện viên theo quy định cụ thể như sau:

Số lượng vận động viên tham gia thi đấu	Mức thưởng chung tính cho số huấn luyện viên
Dưới 04	01
Từ 04 đến 08	02
Từ 09 đến 12	03
Từ 13 đến 15	04
Trên 15	05

5. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao dành cho học sinh, sinh viên thế giới, châu Á,

Đông Nam Á được hưởng mức thưởng bằng vận động viên lập thành tích tại các giải đó.

Điều 3. Mức thưởng đối với vận động viên là người khuyết tật, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên là người khuyết tật

1. Đối với vận động viên là người khuyết tật thi đấu cá nhân

a) Vận động viên là người khuyết tật đạt thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao khu vực và quốc tế theo quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP: được hưởng mức thưởng bằng tiền bằng 100% mức thưởng tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP (chi tiết mức thưởng tại Phụ lục II).

b) Vận động viên là người khuyết tật lập thành tích tại các đại hội thể thao vô địch trẻ người khuyết tật châu Á, Đông Nam Á, giải vô địch trẻ người khuyết tật thể giới, châu Á, Đông Nam Á: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Đối với vận động viên là người khuyết tật thi đấu tập thể

a) Tập thể vận động viên là người khuyết tật lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao thi đấu tập thể: Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với các môn, nội dung thi mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên mức thưởng chung cho vận động viên là người khuyết tật bằng số lượng người nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên là người khuyết tật lập thành tích cá nhân: Mức thưởng bằng mức thưởng tương ứng đối với vận động viên là người khuyết tật quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên là người khuyết tật lập thành tích trong thi đấu tập thể: Mức thưởng cho tập thể huấn luyện viên trực tiếp đào tạo được xác định bằng mức thưởng quy định tại khoản 3 Điều này nhân với số lượng huấn luyện viên được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết; thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 22/7/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ VHTTDL;
- Vụ Pháp chế (Bộ VHTTDL);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP Khóa XV;
- VP: TU, HĐND, UBND TP; Đoàn ĐBQH HP;
- Các sở: TC, TP, VHHT;
- Các quận ủy, huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP HĐND TP;
- Báo HP, Đài PTTH HP;
- Công báo TP, Cổng TTĐT TP (để đăng)
- Các CV VP HĐND TP;
- Lưu VT, Hồ sơ kỳ họp.



CHỦ TỊCH

Lê Văn Thành

PHỤ LỤC I**MỨC THƯỞNG ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN LẬP THÀNH TÍCH TẠI CÁC ĐẠI HỘI,
GIẢI THI ĐẦU THỂ THAO KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ~~04~~ 20/2020/NQ-HĐND ngày 22/ 7/2020 của HĐND thành phố
Hải Phòng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên cuộc thi	HCV	HCB	HCD	Phá kỷ lục
I	Đại hội thể thao				
1	Đại hội Olympic	350	220	140	+140
2	Đại hội Olympic trẻ	80	50	30	+30
3	Đại hội thể thao châu Á	140	85	55	+55
4	Đại hội thể thao Đông Nam Á	45	25	20	+20
II	Giải vô địch thể giới từng môn				
1	Nhóm I	175	110	70	+70
2	Nhóm II	70	40	30	+30
3	Nhóm III	45	25	20	+20
III	Giải vô địch châu Á từng môn				
1	Nhóm I	70	40	30	+30
2	Nhóm II	45	25	20	+20
3	Nhóm III	30	15	10	+10
IV	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn				
1	Nhóm I	40	20	15	+15
2	Nhóm II	30	15	10	+10
3	Nhóm III	20	12	8	+8
V	Đại hội Thể thao khác				
1	Đại hội thể thao quy mô thế giới khác	70	40	30	+30
2	Đại hội thể thao quy mô châu Á khác	30	15	10	+10
3	Đại hội và các giải thể thao quy mô Đông Nam Á khác	16	9,6	6,4	+6,4

PHỤ LỤC II
MỨC THƯỞNG ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN LẬP THÀNH TÍCH TẠI CÁC ĐẠI HỘI,
GIẢI THỂ THAO KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ DÀNH CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ~~04~~ **22**/2020/NQ-HĐND ngày **22**/7/2020 của HĐND thành phố
Hải Phòng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên cuộc thi	HCV	HCB	HCD	Phá kỷ lục
I	Đại hội thể thao				
1	Paralympic	220	140	85	+ 85
2	Paralympic trẻ	45	30	20	+ 20
3	Đại hội thể thao người khuyết tật châu Á (ASIAN PARA Games)	80	50	30	+30
4	Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á	25	15	10	+10
II	Giải vô địch thể giới từng môn				
1	Nhóm I	85	55	35	+35
2	Nhóm II	25	15	10	+10
III	Giải vô địch châu Á từng môn				
1	Nhóm I	35	20	15	+15
2	Nhóm II	15	10	8	+8
IV	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn				
1	Nhóm I	20	12	8	+8
2	Nhóm II	12	8	5	+5